TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **46** /2024/QĐST-HNGĐ
Ngày: 27/6/2024.

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

(V/v Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc hôn nhân và gia đình gồm có:

- *Chủ tọa phiên họp:* Bà Phạm Thị Mai Hoa - Thẩm phán

- *Thư ký phiên họp:* Ông Lê Quốc Phong - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp:* Bà Phan Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên họp công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 311/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2024, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung", theo Quyết định mở phiên họp số 282/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024, giữa:

** Người yêu cầu:*

- Anh **Nguyễn Xuân T**, sinh năm 1983.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn C, xã K, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Nơi ở hiện nay: LANGENHORNER CHAUSSEE 333 STW.EG 22419 HAMBURG, GERMANY- Cộng hòa liên bang Đ;

- Chị **Chu Thị A,** sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn C, xã K, huyện N, tỉnh Hải Dương.

** Người được anh T ủy quyền giao nhận văn bản tố tụng:*

Bà **Bùi Thị H,** sinh năm 1960.

Địa chỉ: Thôn C, xã K, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Anh T, chị A, bà H đều đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ ĐÌNH:

Theo đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Xuân T và chị Chu Thị A, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân T và chị Chu Thị A sau thời gian tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện

N, tỉnh Hải Dương vào ngày 01/6/2012. Sau khi kết hôn, chị A chuyển về nhà anh T sinh sống cùng gia đình nhà chồng, nghề nghiệp chính của vợ chồng là làm nông nghiệp tại địa phương. Vợ chồng chung sống đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính cách. Vợ chồng đã được gia đình hai bên động viên hòa giải để tiếp tục chung sống nhưng không thành. Đầu năm 2023, anh T đi lao động tại Cộng hòa Liên bang Đ đến nay chưa về nước. Trong thời gian anh T đi nước ngoài, vợ chồng có liên lạc nhưng chỉ hỏi thăm học tập, chăm sóc con chung mà không quan tâm, động viên nhau trong cuộc sống. Anh T, chị A đều xác định không muốn đoàn tụ để tiếp tục chung sống nên đã thống nhất làm đơn đề nghị Toà án công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là Nguyễn Phương N, sinh ngày 16/11/2013, Nguyễn Minh T1, sinh ngày 18/10/2017 và Nguyễn Diệp C, sinh ngày 21/02/2020, hiện nay các cháu đều đang ở với chị Chu Thị A. Anh chị thống nhất để chị A được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả 03 con chung cho đến khi trưởng thành, anh T sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung cùng chị A là 2.000.000đồng/cháu/tháng (6.000.000đồng/3 cháu/tháng).

Về quan hệ tài sản chung: Anh chị không yêu cầu Toà án giải quyết;

Về lệ phí dân sự: Chị Chu Thị A tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên họp chị A, anh T đều có quan điểm xin vắng mặt và có quan điểm giữ nguyên yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn; bà H xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương có quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết việc: Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Xuân T và chị Chu Thị A; Về con chung: Giao cho chị Chu Thị A được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con chung Nguyễn Phương N, sinh ngày 16/11/2013, Nguyễn Minh T1, sinh ngày 18/10/2017 và Nguyễn Diệp C, sinh ngày 21/02/2020 cho đến khi trưởng thành. Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung cùng chị A là 2.000.000đồng/cháu/tháng (6.000.000đồng/ 3 cháu/tháng); Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết; Về lệ phí: Chị Chu Thị A tự nguyện chịu 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân và gia đình được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Nguyễn Xuân T và chị Chu Thị A có đơn đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Anh Nguyễn Xuân T hiện đang sinh sống và làm việc tại Cộng hòa Liên bang Đ, chị Chu Thị A có địa chỉ tại huyện N, tỉnh Hải Dương. Do vậy, việc dân sự yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh Nguyễn Xuân T, chị Chu Thị A thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Xuân T không trực tiếp tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng đã ủy quyền cho bà Bùi Thị H ở Việt Nam thay mặt anh T giao nộp các tài liệu, gồm: Đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền. Các văn bản của anh Nguyễn Xuân T đều được xác nhận và hợp pháp hóa lãnh sự tại Đ1 tại Công hòa Liên bang Đ. Do vậy các tài liệu này là hợp pháp.

Anh T, chị A và bà H đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc dân sự vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân T và chị Chu Thị A tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 01/6/2012, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị đều là lao động nông nghiệp tại địa phương, cuộc sống chung đến năm 2022 vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính cách. Năm 2023, anh T đi lao động ở Cộng hòa Liên bang Đ đến nay chưa về nước. Đến nay vợ chồng cùng xác định không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nên cùng thống nhất yêu cầu Toà án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng anh Nguyễn Xuân T, chị Chu Thị A đã trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị.

[2.2]. Về con chung: Vợ chồng anh Nguyễn Xuân T, chị Chu Thị A có 03 con chung Nguyễn Phương N, sinh ngày 16/11/2013, Nguyễn Minh T1, sinh ngày 18/10/2017 và Nguyễn Diệp C, sinh ngày 21/02/2020. Hiện các các con chung đều đang ở cùng mẹ, cháu N, cháu T1 đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Ly hôn anh chị thống nhất thỏa thuận để chị Chu Thị A được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả 03 con chung cho đến khi trưởng thành. Anh Nguyễn Xuân T có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung cùng chị A là 2.000.000đồng/cháu/tháng (6.000.000đồng/3 cháu/tháng). Xét thấy, thỏa thuận

của anh chị phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với điều kiện thực tế, đảm bảo điều kiện tốt nhất cho các con, do đó cần chấp nhận thỏa thuận của anh T, chị A.

Anh Nguyễn Xuân T được được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3]. Về tài sản: Chị Chu Thị A và anh Nguyễn Xuân T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3]. Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: Chị Chu Thị A tự nguyện chịu 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Xuân T và chị Chu Thị A.

2. Về con chung: Giao cho chị Chu Thị A được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con chung Nguyên Phương N, sinh ngày 16/11/2013, Nguyên Minh T1, sinh ngày 18/10/2017 và Nguyễn Diệp C, sinh ngày 21/02/2020 từ tháng 6/2024 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Anh Nguyễn Xuân T có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Chu Thị A là 2.000.000đồng/cháu/tháng (6.000.000đồng/3 cháu/tháng) cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Anh Nguyễn Xuân T được được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ khi chị Chu Thị A có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Nguyễn Xuân T chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: Chị Chu Thị A tự nguyện chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000781 ngày 07 tháng 6 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (chị A đã thực hiện xong).

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Kiến Quốc, huyện Ninh Giang (*để ghi vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GĐ&NCTN, Tòa HC.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Phạm Thị Mai Hoa